TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2021
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

Ông Đặng Văn Dúng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm An Bình, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Bé Em - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 07 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự

Nguyên đơn: Bà Kim Thị S, sinh năm 1964 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 11, khóm M, phường N, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Võ Tấn K, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 181, khóm M, phường N, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 3 năm 2021 và lời trình bày của bà Kim Thị S trong quá trình giải quyết vụ án: Bà và ông Võ Tấn K quen biết nhau, được sự đồng ý của hai bên gia đình bà và ông K chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2014, tại UBND phường N, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, giấy chứng nhận kết hôn số: 21/2014, quyển số 01/2014, ngày 14/03/2014. Trong thời gian

chung sống vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và cũng không có nợ ai.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hạnh phúc gia đình không có, đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân gần 01 năm. Nhận thấy hôn nhân không đạt được.

Về Hôn nhân: Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Tấn K;

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bà Kim Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Võ Tấn K mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa nhưng ông K vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn bà Kim Thị S vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt còn bị đơn thì vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

2. Về nội dung vụ án: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố T đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tôt tụng dân sự năm 2015; về quan hệ hôn nhân bà S, ông K kết hôn và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, mâu thuẫn giữa bà S, ông K là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân khoảng 01 năm nay nên xét yêu cầu ly hôn của bà S là có căn cứ, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà S. Đối với ông K mặc dù đã được Tòa án triệu tập để hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng nhưng vắng mặt cho thấy ông không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ vợ chồng; về con chung bà S khai vợ chồng không có con chung, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung, nợ chung bà S khai không có tài sản chung, không có nợ ai, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết; về án phí buộc bà S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa Tòa án nhân định:

[1] Về tố tụng: Bà Kim Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Tấn K. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình và quan hệ tranh chấp

là ly hôn. Theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Kim Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt còn bị đơn ông Võ Tấn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Kim Thị S và ông Võ Tấn K theo quy định.

[2] Nội dung yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị S và ông Võ Tấn K chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2014, tại UBND phường N, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, giấy chứng nhận kết hôn số: 21/2014, quyển số 01/2014, ngày 14/3/2014 do đó bà S và ông K đã xác lập quan hệ hôn nhân theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Qua đơn khởi kiện, lời trình bày của bà S trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nhận thấy trong quá trình chung sống giữa bà S và ông K đã xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cải, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 cho đến nay, nhiều lần hòa giải nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã ly thân khoảng 01 năm nay. Tại phiên tòa hôm nay, bà S vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ yêu cầu ly hôn với ông K, còn ông K mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải để hàn gắn gia đình cũng như triệu tập tham gia phiên tòa hôm nay nhưng ông K vắng mặt không có lý do cho thấy ông không có thiện chí hàn gắn gia đình.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà S và ông K là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà S yêu cầu được ly hôn với ông K là có cơ sở chấp nhận và phù hợp theo quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Kim Thị S khai trong thời gian chung sống bà và ông K không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Kim Thị S khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bà Kim Thị S phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị S

1. Về hôn nhân: Bà Kim Thị S được ly hôn với ông Võ Tấn K.

2. Về Con chung: Bà Kim Thị S khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Kim Thị S khai không có không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Kim Thị S khai không có nợ chung không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Kim Thị S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Kim Thị S đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0003247, ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T nên bà Kim Thị S không phải nộp tiếp.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận
- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.T;
- Chi cục THADS TP. T;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
ĐÃ KÝ
Phan Thị Bích Lộc